

BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2190/TB-HĐKT
V/v: Thông báo kết quả kiểm tra hết tập
sự hành nghề luật sư

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

Kính gửi:

Thực hiện Thông tư số 21/2010/TT-BTP ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tập sự hành nghề luật sư, Quyết định số 3131/QĐ-BTP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư lần thứ hai năm 2012 đã được tổ chức từ ngày 14/12/2012 đến ngày 16/12/2012 tại thành phố Hà Nội và từ ngày 21/12/2012 đến ngày 23/12/2012 tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ kết quả chấm điểm của Ban Chấm thi viết, Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư thông báo cho các Đoàn luật sư có người tập sự hành nghề luật sư tham dự kiểm tra về điểm kiểm tra và kết quả kiểm tra của người tập sự hành nghề luật sư đã tham dự kiểm tra (có danh sách kèm theo Công văn này).

Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho từng người tập sự hành nghề luật sư và làm thủ tục đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho những người đạt yêu cầu theo thông báo này; những người không đạt yêu cầu kiểm tra thì được gia hạn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 9 của Quy chế tập sự hành nghề luật sư được ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BTP ngày 01/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Những thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra bài kiểm tra viết có quyền làm đơn đề nghị phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra. Đơn đề nghị phúc tra được gửi về Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, 58 -60 Trần Phú, Hà Nội trước ngày 15.1.4./2013.

Nơi nhận:

- Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có người tập sự hành nghề luật sư tham dự kiểm tra;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch Hội đồng kiểm tra (để b/c);
- Các thành viên Hội đồng (để biết);
- Liên đoàn luật sư Việt Nam (để biết);
- Cơ quan đại diện Bộ Tư pháp tại TPHCM (để biết);
- Sở Tư pháp (để biết);
- Lưu: VT. Vụ BTTP.

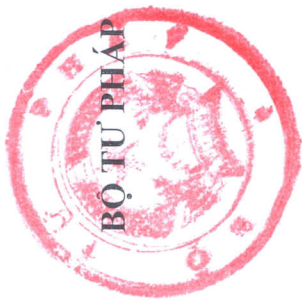
TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



VỤ TRƯỞNG VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP
Đỗ Hoàng Yến



KẾT QUẢ KIỂM TRA TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
KHU VỰC TP HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Công văn số 2110/TB-HĐKT ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng kiểm tra)

STT	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	SỐ BÁO DANH	ĐOÀN LUẬT SƯ	ĐIỂM ĐẠO ĐỨC	ĐIỂM VĂN ĐÁP	ĐIỂM KỸ NĂNG	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.	CAO NHẬT	ANH	1986	001/KVHCM	TP. HCM	7.0	8.0	7.5	Đạt	
2.	HUỖNH THỊ PHƯƠNG	ANH	1967	002/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	5.5	Đạt	
3.	LÊ TRẦN VĂN	ANH	1977	003/KVHCM	Bình Dương	6.0	7.5	6.5	Đạt	
4.	NGHIÊM TUẤN	ANH	1973	004/KVHCM	Đồng Nai					Vắng
5.	NGUYỄN HOÀNG	ANH	1976	005/KVHCM	Đồng Nai	5.0	8.0	6.5	Đạt	
6.	NGUYỄN THỊ	ANH	1968	006/KVHCM	Đồng Nai	7.0	8.0	5.0	Đạt	
7.	NGUYỄN VĂN	ANH	1974	007/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.5	5.0	Đạt	
8.	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	1978	008/KVHCM	TP. HCM	7.0	8.5	6.0	Đạt	
9.	TRẦN NGỌC QUANG	ANH	1982	009/KVHCM	TP. HCM	6.5	7.5	6.5	Đạt	
10.	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	1984	010/KVHCM	TP. HCM	4.5	7.0	5.5	Không Đạt	
11.	HUỖNH THỊ HỒNG	AN	1984	011/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	5.0	Đạt	
12.	LÊ ĐỨC	BÀNG	1954	012/KVHCM	Bình Định	6.0	7.5	3.0	Không Đạt	
13.	CHÁU XUÂN NHÀN	BÀNG	1986	013/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	7.5	Đạt	
14.	LÊ CÔNG	BÀNG	1986	014/KVHCM	Lâm Đồng	5.0	6.5	7.0	Đạt	
15.	NGUYỄN THỊ KIM	BÀNG	1980	015/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.5	6.5	Đạt	
16.	NGUYỄN XUÂN	BẢO	1976	016/KVHCM	Cần Thơ	4.5	8.0	5.5	Không Đạt	
17.	NGUYỄN NGỌC	BẢO	1959	017/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.0	5.0	Đạt	
18.	TRẦN NGỌC	BẢO	1962	018/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	6.0	Đạt	
19.	NGUYỄN TRÍ	BÁY	1967	019/KVHCM	Quảng Nam	5.0	7.0	5.0	Đạt	
20.	BÙI VĂN	BÈN	1955	020/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	4.0	Không Đạt	
21.	ĐỖ NGUYỄN NGỌC	BÍCH	1982	021/KVHCM	TP. HCM					Vắng
22.	HỒNG QUỐC	BÌNH	1975	022/KVHCM	TP. HCM					Vắng
23.	NGUYỄN ĐĂNG	BÌNH	1972	023/KVHCM	Bình Dương	5.0	8.0	7.0	Đạt	
24.	NGUYỄN THANH	BÌNH	1978	024/KVHCM	Kiên Giang	4.5	7.5	5.0	Không Đạt	
25.	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	1984	025/KVHCM	Quảng Nam	5.0	6.5	6.0	Đạt	
26.	PHAN THÁI	BÌNH	1981	026/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	7.5	Đạt	

27.	TRẦN HỒNG	BÌNH	1976	027/KVHCM	TP. HCM	7.5	8.0	3.5	Không Đạt	
28.	TRẦN THÁI	BÌNH	1975	028/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.5	5.0	Đạt	
29.	TRẦN TRỌNG	BÌNH	1958	029/KVHCM	Đồng Nai	5.0	5.5	4.0	Không Đạt	
30.	TRINH THỊ	BÌNH	1987	030/KVHCM	TP. HCM	5.0	8.5	6.5	Đạt	
31.	TRẦN THANH	CÁNH	1981	031/KVHCM	Đồng Nai	5.0	5.0	5.5	Đạt	
32.	ĐẶNG VĂN	CÀN	1959	032/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt	
33.	HOÀNG LAM THUY	CHÂU	1979	033/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.5	7.0	Đạt	
34.	NGUYỄN THỊ HỒNG	CHÂU	1973	034/KVHCM	Long An	4.0	7.0	3.0	Không Đạt	
35.	TRƯƠNG LỆ	CHÂU	1975	035/KVHCM	TP. HCM	6.5	7.0	6.5	Đạt	
36.	VÕ NGỌC PHƯƠNG	CHI	1987	036/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.5	7.5	Đạt	
37.	PHI QUYẾT	CHIẾN	1953	037/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.5	5.5	Đạt	
38.	TRẦN VĂN	CHIẾN	1976	038/KVHCM	TP. HCM	6.0	4.0	5.0	Không Đạt	
39.	NGUYỄN NGỌC	CHINH	1985	039/KVHCM	Đà Nẵng	7.5	7.0	5.5	Đạt	
40.	VÕ TRẦN	CHINH	1986	040/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	6.0	Đạt	
41.	ĐOÀN VĂN	CHÍNH	1976	041/KVHCM	TP. HCM	3.5	5.0	6.0	Không Đạt	
42.	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	1950	042/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.5	3.5	Không Đạt	
43.	PHẠM VĂN	CHINH	1985	043/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	6.0	Đạt	
44.	NGUYỄN THANH	CHUNG	1968	044/KVHCM	Khánh Hòa	5.5	7.5	5.0	Đạt	
45.	LÊ HỮU HỒNG	CHUYÊN	1986	045/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	7.5	Đạt	
46.	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	1971	046/KVHCM	Đồng Nai	7.0	5.5	6.0	Đạt	
47.	NGUYỄN HỒNG	CÓ	1972	047/KVHCM	Bến Tre	6.0	6.0	6.5	Đạt	
48.	HUỲNH THỊ	CÚC	1982	048/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	6.5	Đạt	
49.	LÂM THỊ	CÚC	1953	049/KVHCM	Long An	5.5	5.5	3.0	Không Đạt	
50.	NGUYỄN THỊ DIỆU	CÚC	1984	050/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	8.0	Đạt	
51.	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	1979	051/KVHCM	TP. HCM	8.0	6.0	7.5	Đạt	
52.	TRẦN TRUNG	CƯỜNG	1957	052/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.5	Không Đạt	
53.	CAO KIẾN	CƯỜNG	1984	053/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.5	8.5	Đạt	
54.	HUỲNH QUỐC	CƯỜNG	1977	054/KVHCM	Cần Thơ	5.0	6.5	5.0	Đạt	
55.	LÊ VIỆT	CƯỜNG	1962	055/KVHCM	Đồng Nai	6.5	8.0	6.5	Đạt	
56.	NGUYỄN KHÁNH	CƯỜNG	1982	056/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.5	6.0	Đạt	
57.	ĐẶNG NGỌC	DANH	1973	057/KVHCM	Đồng Nai	4.5	6.5	6.0	Không Đạt	
58.	NGUYỄN	ĐĨA	1956	058/KVHCM	TP. HCM	4.0	3.0	5.5	Không Đạt	
59.	LÊ THỊ KIỀU	DIỄM	1981	059/KVHCM	Tây Ninh	5.0	8.0	6.0	Đạt	
60.	PHẠM ĐOÀN THANH	DIỆU	1986	060/KVHCM	TP. HCM	8.0	8.5	5.5	Đạt	
61.	NGUYỄN THANH	DIỆU	1961	061/KVHCM	Long An	4.0	4.0	5.5	Không Đạt	

62.	LÝ TRUNG	DUNG	1970	062/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.0	3.5	Không Đạt	
63.	PHÙNG THỊ	DUNG	1985	063/KVHCM	Lào Cai	6.0	8.5	8.0	Đạt	
64.	TRẦN KIM	DUNG	1970	064/KVHCM	TP. HCM	4.0	7.0	5.5	Không Đạt	
65.	DƯƠNG ĐÌNH	DUNG	1979	065/KVHCM	Vĩnh Long	4.5	7.0	6.5	Không Đạt	
66.	HUYỀN TUẤN	DUNG	1986	066/KVHCM	TP. HCM	4.0	7.0	5.0	Không Đạt	
67.	LÝ VĂN	DUNG	1960	067/KVHCM	TP. HCM	4.5	8.0	6.0	Không Đạt	
68.	NGUYỄN TRỌNG	DUNG	1978	068/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	5.0	Đạt	
69.	PHẠM NGỌC	DUNG	1977	069/KVHCM	Quảng Nam	5.5	7.0	5.0	Đạt	
70.	PHẠM TIẾN	DUNG	1984	070/KVHCM	BR-VT	5.5	7.0	7.5	Đạt	
71.	TRẦN ANH	DUNG	1968	071/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	5.0	Đạt	
72.	TRẦN HÙNG	DUNG	1966	072/KVHCM	Cần Thơ	5.0	7.0	4.5	Không Đạt	
73.	VĂN BA	DUNG	1976	073/KVHCM	Đồng Nai	5.5	7.0	4.5	Không Đạt	
74.	ĐỖ THÁI	DƯƠNG	1977	074/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	4.5	Không Đạt	
75.	VÕ NGỌC	DƯƠNG	1981	075/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.5	Đạt	
76.	NGUYỄN CAO	DƯƠNG	1963	076/KVHCM	Quảng Nam	6.0	7.0	6.0	Đạt	
77.	BÙI PHƯƠNG	DUY	1985	077/KVHCM	TP. HCM	6.5	7.5	6.0	Đạt	Vắng
78.	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	1980	078/KVHCM	TP. HCM					
79.	NGUYỄN THANH BẢO	DUY	1976	079/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	4.0	Không Đạt	
80.	HỒ THỊ MỸ	DUYỀN	1982	080/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	6.5	Đạt	
81.	MAI THỊ	DUYỀN	1985	081/KVHCM	Đồng Nai	6.5	7.5	5.0	Đạt	
82.	NGUYỄN HÀI	ĐÀ	1981	082/KVHCM	Đà Nẵng	6.0	5.0	7.0	Đạt	
83.	VÕ VĂN	ĐÀN	1966	083/KVHCM	TP. HCM	7.0	4.0	3.0	Không Đạt	
84.	TRẦN NGỌC	ĐÁNG	1956	084/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	4.0	Không Đạt	
85.	LƯU VĂN	ĐÁNG	1977	085/KVHCM	Hậu Giang	3.0	3.0	5.0	Không Đạt	
86.	CẨM	ĐẠT	1981	086/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
87.	TRƯƠNG QUỐC	ĐẠT	1982	087/KVHCM	TP. HCM	7.0	4.0	5.0	Không Đạt	
88.	VÕ THỊ	ĐẬU	1957	088/KVHCM	An Giang	5.5	6.0	4.0	Không Đạt	
89.	ĐÌNH VĂN	ĐIỀN	1966	089/KVHCM	BR-VT	6.0	4.0	6.0	Không Đạt	
90.	LƯƠNG NGỌC	ĐÌNH	1981	090/KVHCM	TP. HCM	9.0	7.0	6.5	Đạt	
91.	PHẠM VĂN	ĐÌNH	1976	091/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	6.5	Đạt	
92.	PHAN TẤN	ĐỖ	1973	092/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	6.0	Đạt	
93.	TRẦN VĂN	ĐỘ	1985	093/KVHCM	Vĩnh Long	5.0	7.5	7.5	Đạt	
94.	ĐÌNH THỨC	ĐOAN	1987	094/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	5.5	Không Đạt	
95.	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	1954	095/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	5.5	Đạt	
96.	NGUYỄN QUANG	ĐÔNG	1971	096/KVHCM	Đồng Nai	8.5	6.0	5.0	Đạt	
97.	ĐỖ TẤN	ĐỨC	1971	097/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt	

98.	LÊ ANH	ĐỨC	1975	098/KVHCM	Quảng Nam	4.5	5.0	4.0	Không Đạt	
99.	NGUYỄN VĂN	GIÃ	1952	099/KVHCM	TP. HCM	3.0	4.0	7.0	Không Đạt	
100.	HUỖNH THỊ	GIÃM	1953	100/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	2.5	Không Đạt	
101.	NGUYỄN THANH	GIÃN	1964	101/KVHCM	Long An	7.5	6.0	6.0	Đạt	
102.	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	1978	102/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.0	7.0	Đạt	
103.	NGUYỄN THỊ LONG	GIANG	1984	103/KVHCM	Bình Dương	6.5	5.5	7.5	Đạt	
104.	PHẠM THỊ THU	GIANG	1985	104/KVHCM	Bình Dương	7.5	6.0	4.5	Không Đạt	
105.	TRẦN HUÔNG	GIANG	1978	105/KVHCM	TP. HCM	3.5	5.0	5.5	Không Đạt	
106.	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	1968	106/KVHCM	Đồng Tháp	5.5	6.5	6.5	Đạt	
107.	NGUYỄN NGỌC	GIÁP	1978	107/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	6.0	Đạt	
108.	NGUYỄN VĂN	GIÁP	1985	108/KVHCM	Đồng Nai	4.5	5.0	6.5	Không Đạt	
109.	ĐOÀN THỊ THANH	HÀ	1979	109/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.5	Đạt	
110.	HỨA TỬ	HÀ	1976	110/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	4.5	Không Đạt	
111.	HUỖNH THỊ THU	HÀ	1985	111/KVHCM	Đà Nẵng	5.5	6.0	8.0	Đạt	
112.	MAI THANH	HÀ	1964	112/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt	
113.	NGUYỄN NGỌC	HÀ	1982	113/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.5	6.5	Đạt	
114.	NGUYỄN THỊ VIỆT	HÀ	1985	114/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.0	4.5	Không Đạt	
115.	PHAN THỊ NGUYỄN	HÀ	1971	115/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	4.5	Không Đạt	
116.	TRẦN THỊ	HÀ	1980	116/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	6.0	Đạt	
117.	VŨ THỊ MINH	HÀ	1973	117/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	4.5	Không Đạt	
118.	ĐỖ ANH	HẢI	1980	118/KVHCM	Quảng Ngãi	5.0	5.0	3.5	Không Đạt	
119.	ĐỖ TỬ	HẢI	1951	119/KVHCM	Vĩnh Long	5.5	5.5	2.5	Không Đạt	
120.	HÀ NGỌC	HẢI	1983	120/KVHCM	TP. HCM	7.0	8.5	7.5	Đạt	
121.	MAI THANH	HẢI	1984	121/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	5.0	Đạt	
122.	NGUYỄN THANH	HẢI	1970	122/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.5	5.0	Không Đạt	
123.	NGUYỄN TUẤN	HẢI	1982	123/KVHCM	Lâm Đồng	5.5	5.0	5.0	Đạt	
124.	PHẠM TIẾN	HẢI	1965	124/KVHCM	Quảng Nam	5.5	7.5	6.0	Đạt	
125.	TRẦN THANH	HẢI	1961	125/KVHCM	Đồng Nai	6.0	6.5	6.0	Đạt	
126.	LƯU THỊ BÍCH	HẠNH	1978	126/KVHCM	Bình Phước	6.0	8.0	6.0	Đạt	
127.	NGHIÊM THỊ HỒNG	HẠNH	1974	127/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	5.5	Đạt	
128.	THÁI THỊ	HẠNH	1952	128/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	5.5	Đạt	
129.	TRINH THỊ MỸ	HẠNH	1982	129/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.0	6.0	Đạt	
130.	NGUYỄN THỊ HIỂU	HẠNH	1983	130/KVHCM	Bình Dương	5.0	5.5	5.5	Đạt	
131.	HOÀNG MINH	HẢO	1982	131/KVHCM	Lâm Đồng	5.0	6.5	4.0	Không Đạt	
132.	ĐỖ THỊ BÍCH	HĂNG	1978	132/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.0	5.0	Đạt	
133.	NGUYỄN THỊ	HĂNG	1983	133/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	3.5	Không Đạt	

134.	NGUYỄN THỊ	HÀNG	1986	134/KVHCM	Quảng Nam	8.0	7.0	7.5	Đạt	
135.	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀNG	1976	135/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.5	7.0	Đạt	
136.	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	1985	136/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.5	5.0	Đạt	
137.	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	1983	137/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	8.5	Đạt	
138.	TRẦN HÀ	HÂN	1986	138/KVHCM	TP. HCM	5.5	8.5	5.0	Đạt	
139.	NGUYỄN BÁT	HÂN	1959	139/KVHCM	TP. HCM	4.5	6.5	5.0	Không Đạt	
140.	PHAN TRƯỜNG	HÂN	1986	140/KVHCM	TP. HCM				Vắng	
141.	NGUYỄN THỊ CÀNH	HẬU	1973	141/KVHCM	TP. HCM	5.0	8.0	5.5	Đạt	
142.	NGUYỄN THỊ TRUNG	HẬU	1975	142/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	6.0	Đạt	
143.	PHAN THỊ THÚY	HẬU	1985	143/KVHCM	Quảng Nam	5.0	6.5	5.0	Đạt	
144.	BÙI CÔNG	HIỀN	1977	144/KVHCM	Đồng Nai	4.0	5.0	3.5	Không Đạt	
145.	HOÀNG THỊ	HIỀN	1971	145/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.0	Đạt	
146.	LÊ THỊ THU	HIỀN	1985	146/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	4.0	Không Đạt	
147.	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	1977	147/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.0	Không Đạt	
148.	PHAN	HIỀN	1972	148/KVHCM	Đồng Nai	3.5	4.0	3.0	Không Đạt	
149.	VŨ ĐÌNH THU	HIỀN	1986	149/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	7.5	Đạt	
150.	VŨ VĂN	HIỀN	1977	150/KVHCM	Thái Bình	5.5	6.5	7.5	Đạt	
151.	VŨ THỂ	HIỆP	1972	151/KVHCM	TP. HCM	5.5	8.0	4.5	Không Đạt	
152.	CAO TRUNG	HIỀN	1957	152/KVHCM	Sóc Trăng				Vắng	
153.	LÊ TRUNG	HIẾU	1966	153/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	5.5	Đạt	
154.	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	1976	154/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.5	7.0	Đạt	
155.	NGUYỄN VĂN	HIẾU	1982	155/KVHCM	Đồng Nai	5.5	7.5	5.5	Đạt	
156.	PHẠM THỊ MINH	HIẾU	1984	156/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	6.5	Đạt	
157.	VŨ VĂN	HIẾU	1968	157/KVHCM	TP. HCM	4.5	6.5	3.0	Không Đạt	
158.	VŨ PHAN	HIẾU	1976	158/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.5	8.0	Đạt	
159.	MAI THỊ KIM	HOA	1980	159/KVHCM	Đồng Nai	5.0	7.5	5.0	Đạt	
160.	PHẠM THỊ	HOA	1977	160/KVHCM	BR-VT	7.0	6.5	6.0	Đạt	
161.	TRẦN THỊ LÝ	HOA	1977	161/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	7.0	Đạt	
162.	ĐẶNG GIA	HOÀ	1978	162/KVHCM	TP. HCM	5.0	8.5	8.0	Đạt	
163.	NGUYỄN THỊ THU	HOÀ	1977	163/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.5	6.0	Đạt	
164.	NGUYỄN THỊ XUÂN	HOÀ	1955	164/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.5	Đạt	
165.	VŨ ĐỨC	HÒA	1970	165/KVHCM	Đồng Nai	6.5	4.0	3.5	Không Đạt	
166.	TRƯƠNG VĂN	HOÀI	1966	166/KVHCM	Quảng Nam	4.5	7.0	4.5	Không Đạt	
167.	ĐÌNH THÁI	HOÀNG	1974	167/KVHCM	Tây Ninh	4.5	6.5	5.5	Không Đạt	
168.	NGUYỄN MINH	HOÀNG	1963	168/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.5	5.0	Đạt	
169.	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	1986	169/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	5.5	Đạt	

170.	PHẠM VĂN VIỆT	HOÀNG	1966	170/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	4.5	Không Đạt	
171.	PHAN THANH	HOÀNG	1972	171/KVHCM	Đồng Nai	8.0	6.5	5.5	Đạt	
172.	TRÌNH VĂN	HOÀNG	1985	172/KVHCM	Quảng Ngãi	5.5	5.5	8.0	Đạt	
173.	VÕ	HOÀNG	1970	173/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.5	4.5	Không Đạt	
174.	VÕ THỊ THANH	HOÀNG	1969	174/KVHCM	Đồng Nai	4.0	5.5	3.0	Không Đạt	
175.	NGUYỄN DUY	HOẠT	1975	175/KVHCM	Đồng Nai	4.5	6.0	4.5	Không Đạt	
176.	TRẦN VĂN	HỘI	1956	176/KVHCM	TP. HCM	3.5	4.0	5.5	Không Đạt	
177.	NGUYỄN THỊ	HỒNG	1975	177/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.0	6.0	Đạt	
178.	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	1977	178/KVHCM	Long An	4.5	4.5	5.5	Không Đạt	
179.	PHAN THỊ THANH	HỒNG	1978	179/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	3.5	Không Đạt	
180.	TRẦN THỊ THU	HỒNG	1967	180/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	5.5	Đạt	
181.	NGUYỄN ĐĂNG	HỢP	1970	181/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	3.5	Không Đạt	
182.	PHẠM THỊ HỒNG	HUỆ	1985	182/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.5	7.0	Đạt	
183.	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	1972	183/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	5.0	Không Đạt	
184.	BÙI MẠNH	HÙNG	1980	184/KVHCM	Long An	6.5	6.0	4.0	Không Đạt	
185.	HOÀNG VIỆT	HÙNG	1983	185/KVHCM	Quảng Nam	7.0	6.0	5.0	Đạt	
186.	LÊ HUY	HÙNG	1982	186/KVHCM	Đồng Nai	5.0	7.0	5.0	Đạt	
187.	LÊ PHUỐC	HÙNG	1964	187/KVHCM	TP. HCM	5.0	4.0	6.0	Không Đạt	
188.	LÊ QUỐC	HÙNG	1965	188/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	6.0	Đạt	
189.	NGÔ BÁ	HÙNG	1958	189/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	3.5	Không Đạt	
190.	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	1978	190/KVHCM	Đồng Nai	4.5	5.5	5.5	Không Đạt	
191.	NGUYỄN ĐÌNH	HÙNG	1969	191/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	4.5	Không Đạt	
192.	VÕ TRẦN	HÙNG	1984	192/KVHCM	Hà Nội	6.0	5.0	7.0	Đạt	
193.	BÙI QUỐC	HUY	1982	193/KVHCM	Đồng Nai	7.0	5.5	5.5	Đạt	
194.	ĐÀO QUANG	HUY	1978	194/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	6.0	Đạt	
195.	ĐOÀN QUANG	HUY	1962	195/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	2.0	Không Đạt	
196.	HUYỀN MẠI	HUY	1981	196/KVHCM	Đồng Nai	5.0	7.0	5.0	Đạt	
197.	LÊ QUỐC	HUY	1983	197/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.5	5.5	Đạt	
198.	LƯU NGỌC	HUY	1972	198/KVHCM	Long An	7.5	7.0	5.0	Đạt	
199.	NGUYỄN VĂN	HUY	1979	199/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	3.5	Không Đạt	
200.	PHẠM VĂN	HUY	1976	200/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	5.0	Đạt	
201.	TRẦN CÔNG	HUY	1984	201/KVHCM	TP. HCM	4.5	6.5	6.5	Không Đạt	
202.	VÕ THỊ MỸ	HUYỀN	1979	202/KVHCM	TP. HCM	4.5	4.0	6.0	Không Đạt	
203.	NGUYỄN THỊ MỘNG	HUYỀN	1969	203/KVHCM	TP. HCM	3.5	3.0	3.5	Không Đạt	
204.	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	1972	204/KVHCM	Đồng Nai	5.5	8.5	7.5	Đạt	
205.	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	1981	205/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.0	7.5	Đạt	

206.	NGUYỄN MINH	HƯNG	1978	206/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt
207.	NGUYỄN VĂN	HƯNG	1985	207/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.0	6.5	Đạt
208.	LÝ MINH	HƯƠNG	1976	208/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	6.0	Đạt
209.	CAO THỊ THU	HƯƠNG	1976	209/KVHCM	Trà Vinh	2.0	3.0	2.5	Không Đạt
210.	ĐÀO THỊ LAN	HƯƠNG	1978	210/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	6.0	Đạt
211.	ĐỖ THỊ	HƯƠNG	1984	211/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.5	8.0	Đạt
212.	LÊ THỊ MINH	HƯƠNG	1976	212/KVHCM	Hậu Giang	5.0	5.0	4.0	Không Đạt
213.	NGUYỄN NGỌC	HƯƠNG	1979	213/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.5	5.0	Đạt
214.	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	1984	214/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	7.0	Đạt
215.	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	1985	215/KVHCM	Khánh Hòa	6.5	5.5	5.0	Đạt
216.	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	1982	216/KVHCM	TP. HCM	7.5	6.5	6.5	Đạt
217.	ĐẶNG TÂN	HƯƠNG	1958	217/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	5.0	Đạt
218.	MAI VĂN	HƯƠNG	1977	218/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt
219.	NGUYỄN VĂN	HƯƠNG	1987	219/KVHCM	BR-VT	6.5	2.5	5.0	Không Đạt
220.	ĐỖ THỊ	HƯƠNG	1983	220/KVHCM	TP. HCM	5.0	3.5	5.0	Không Đạt
221.	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	1984	221/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	6.0	Đạt
222.	NGUYỄN PHÚ	HỮU	1957	222/KVHCM	Cần Thơ	6.0	5.0	5.5	Đạt
223.	NGUYỄN THIÊN	HỮU	1983	223/KVHCM	TP. HCM	5.5	4.5	5.5	Không Đạt
224.	LÊ MINH	KHA	1975	224/KVHCM	TP. HCM	4.5	3.0	6.5	Không Đạt
225.	NGUYỄN VĂN	KHA	1976	225/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.5	6.0	Đạt
226.	NGUYỄN THỊ	KHAI	1978	226/KVHCM	TP. HCM	5.0	3.0	7.0	Không Đạt
227.	LƯƠNG ĐÌNH	KHAI	1979	227/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	7.0	Không Đạt
228.	HOÀNG NGỌC	KHANG	1984	228/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	6.5	Đạt
229.	LÊ THỊ MAI	KHANH	1983	229/KVHCM	TP. HCM	7.5	4.0	6.0	Không Đạt
230.	NGUYỄN HỒNG	KHANH	1973	230/KVHCM	TP. HCM	6.5	3.5	6.5	Không Đạt
231.	HOÀNG QUỐC	KHANH	1968	231/KVHCM	TP. HCM	5.5	4.0	4.5	Không Đạt
232.	LỤC TIỀN	KHOA	1984	232/KVHCM	TP. HCM	8.0	5.0	6.5	Đạt
233.	NGUYỄN THỊ	KHOA	1976	233/KVHCM	Đồng Nai	6.0	5.5	6.0	Đạt
234.	LÂM TÂN	KHÔI	1983	234/KVHCM	Cần Thơ	6.0	5.5	6.5	Đạt
235.	LÝ NGUYỄN	KHÔI	1976	235/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.5	Đạt
236.	NGUYỄN TIẾN	KHƯƠNG	1959	236/KVHCM	Đồng Nai	4.0	5.5	5.0	Không Đạt
237.	PHẠM ĐỨC	KHƯƠNG	1983	237/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	5.0	Đạt
238.	PHAN THỐNG AN	KHƯƠNG	1971	238/KVHCM	Cần Thơ	4.5	5.5	4.0	Không Đạt
239.	LÊ THỊ	KHUYẾN	1963	239/KVHCM	Đồng Nai	6.0	5.5	7.0	Đạt
240.	HOÀNG ĐỨC	KHUYẾN	1960	240/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	5.5	Không Đạt
241.	LÂM THỊ	KIỂM	1951	241/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	5.0	Đạt

242.	DƯƠNG CÔNG	KIÊN	1981	242/KVHCM	Bình Phước	5.0	4.0	5.5	Không Đạt	
243.	TRẦN NHƯ	KIÊN	1955	243/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.5	Đạt	
244.	NGUYỄN HỮU	KIM	1955	244/KVHCM	Bình Dương	7.0	5.5	5.5	Đạt	
245.	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	1973	245/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	5.5	Không Đạt	
246.	HOÀNG GIANG TỬ	LĂNG	1977	246/KVHCM	Bình Phước	5.5	5.6	5.0	Đạt	
247.	LÊ HỒNG	LÂM	1952	247/KVHCM	Vĩnh Long	4.5	6.0	6.0	Không Đạt	Vắng
248.	LÊ VĂN	LÂM	1985	248/KVHCM	Long An					Vắng
249.	LÝ THỊ PHƯƠNG	LÂM	1981	249/KVHCM	Gia Lai					
250.	NGUYỄN BÁ	LÂM	1969	250/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt	
251.	NGUYỄN ĐỨC	LÂM	1970	251/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	4.0	Không Đạt	
252.	PHẠM ĐÌNH	LÂN	1961	252/KVHCM	Đồng Nai	4.5	5.0	4.0	Không Đạt	Sửa tên
253.	TRẦN DUY	LÂM	1979	253/KVHCM	Đà Nẵng	5.0	5.5	8.5	Đạt	
254.	TRẦN THỊ	LÂM	1955	254/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.0	5.0	Đạt	
255.	TRẦN XUÂN	LÂM	1965	255/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	5.0	Đạt	
256.	BÙI ANH	LÂN	1976	256/KVHCM	TP. HCM	6.5	4.5	5.5	Không Đạt	
257.	KHÔNG HÙNG	LÂN	1978	257/KVHCM	TP. HCM	4.5	4.0	5.0	Không Đạt	
258.	PHÙNG VĂN	LÂN	1962	258/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	4.0	Không Đạt	
259.	TRẦN QUỐC	LẬP	1973	259/KVHCM	TP. HCM					Vắng
260.	TRẦN THỊ	LIÊM	1985	260/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	7.0	Đạt	
261.	NGUYỄN THỊ	LIÊN	1955	261/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	5.5	Không Đạt	
262.	LÊ THỊ	LINH	1984	262/KVHCM	TP. HCM	5.5	4.0	7.0	Không Đạt	
263.	NGUYỄN TƯỜNG	LINH	1984	263/KVHCM	Khánh Hòa	5.0	6.0	7.0	Đạt	
264.	PHẠM BÁ	LINH	1949	264/KVHCM	BR-VT					Vắng
265.	VŨ THỊ PHƯƠNG	LINH	1987	265/KVHCM	TP. HCM	7.0	3.5	7.5	Không Đạt	
266.	BÙI THỊ CẨM	LOAN	1975	266/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.5	7.0	Đạt	
267.	ĐÀO THỊ CẨM	LOAN	1983	267/KVHCM	TP. HCM	6.0	4.5	9.0	Không Đạt	
268.	HUỲNH THỊ KIM	LOAN	1985	268/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.5	Đạt	
269.	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	1968	269/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	4.0	Không Đạt	
270.	TRẦN MỸ	LOAN	1985	270/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.5	7.0	Đạt	
271.	PHẠM HOÀNG	LONG	1975	271/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	6.5	Đạt	
272.	PHAN THANH	LONG	1975	272/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	3.5	Không Đạt	
273.	TRẦN VĂN	LONG	1949	273/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	5.0	Đạt	
274.	LƯƠNG VĂN	LỘC	1984	274/KVHCM	Đồng Nai	7.0	5.5	7.5	Đạt	
275.	NGUYỄN VĂN	LỘC	1985	275/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	8.5	Đạt	
276.	HUỲNH PHƯỚC	LỢI	1982	276/KVHCM	Trà Vinh	5.0	5.5	6.0	Đạt	
277.	LÊ HOÀNG KINH	LUÂN	1977	277/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	5.5	Đạt	

278.	NGUYỄN TẤN	LỰC	1982	278/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	5.0	Đạt	
279.	NGUYỄN TIẾN	LỰC	1977	279/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	5.0	Đạt	
280.	ĐỖ HUƠNG	LÝ	1987	280/KVHCM	Hà Nội	6.5	7.0	7.5	Đạt	
281.	NGUYỄN THỊ	LÝ	1985	281/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	7.5	Đạt	
282.	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MAI	1976	282/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	5.5	Đạt	
283.	HOÀNG THỊ	MAI	1985	283/KVHCM	TP. HCM	8.0	6.5	6.5	Đạt	
284.	HOÀNG THỊ NGỌC	MAI	1979	284/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	5.5	Đạt	
285.	LÊ VĨNH BẠCH	MAI	1974	285/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	2.0	Không Đạt	
286.	THÁI THỊ HUỖNH	MAI	1980	286/KVHCM	Bình Thuận	5.0	7.0	6.0	Đạt	
287.	VŨ THỊ TUYẾT	MAI	1985	287/KVHCM	Hà Nội	7.0	6.5	7.5	Đạt	
288.	HỒ QUỐC	MÃN	1972	288/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	5.0	Đạt	
289.	LÊ THỊ	MÌ	1958	289/KVHCM	Cần Thơ	4.5	6.0	5.0	Không Đạt	
290.	ĐÀO ĐỨC	MINH	1972	290/KVHCM	TP. HCM	4.5	4.0	6.0	Không Đạt	
291.	NGUYỄN HOÀNG	MINH	1987	291/KVHCM	Khánh Hòa	6.0	5.5	6.0	Đạt	
292.	NGUYỄN THỊ THU	MINH	1982	292/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	5.0	Không Đạt	
293.	PHẠM VĂN HIỂN	MINH	1973	293/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	7.0	Đạt	
294.	TRẦN THỊ TUYẾT	MINH	1970	294/KVHCM	BR-VT	5.5	7.0	7.5	Đạt	
295.	TRƯỜNG THU	MINH	1987	295/KVHCM	Đà Nẵng	7.5	5.0	5.5	Đạt	
296.	NGUYỄN THỊ	MƠ	1981	296/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.5	Đạt	
297.	NGUYỄN THỊ BÉ	MƯỜI	1984	297/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	5.0	Đạt	
298.	ĐOÀN THỊ	MƯỢT	1983	298/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	7.0	Đạt	
299.	PHÙNG THỊ LỆ	MỸ	1986	299/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.5	6.0	Đạt	
300.	TRẦN VĂN	MỸ	1955	300/KVHCM	Quảng Nam	5.0	4.0	5.0	Không Đạt	
301.	TRẦN THỊ HOÀNG	NA	1976	301/KVHCM	Bình Phước	5.5	5.0	5.0	Đạt	
302.	BÙI XUÂN	NAM	1980	302/KVHCM	Đà Nẵng	4.0	6.0	5.5	Không Đạt	
303.	ĐỖ ĐÌNH	NAM	1984	303/KVHCM	Đồng Nai	4.0	5.5	7.5	Không Đạt	
304.	NGUYỄN QUỐC	NAM	1966	304/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	7.0	Đạt	
305.	NGUYỄN TRỌNG	NAM	1976	305/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.5	4.5	Không Đạt	
306.	PHAN THANH	NAM	1965	306/KVHCM	TP. HCM	4.5	7.0	4.0	Không Đạt	
307.	NGUYỄN VĂN	NAM	1955	307/KVHCM	Đà Nẵng	3.0	5.0	5.5	Không Đạt	
308.	ĐỖ THỊ THU	NGA	1976	308/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.5	6.0	Đạt	
309.	LÊ THANH	NGA	1964	309/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	4.0	Không Đạt	
310.	VÕ THỊ THANH	NGA	1985	310/KVHCM	Quảng Nam	6.0	6.5	6.0	Đạt	
311.	ĐẶNG NGUYỄN MINH	NGHĨA	1981	311/KVHCM	Bình Dương	4.5	5.5	6.5	Không Đạt	
312.	ĐỖ VĂN	NGHỀ	1969	312/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	5.0	Đạt	
313.	LÊ VĂN	NGHĨA	1976	313/KVHCM	TP. HCM					Vắng

314.	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	1982	314/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	6.5	Đạt	
315.	NGUYỄN PHƯƠNG ĐẠI	NGHĨA	1983	315/KVHCM	Lâm Đồng	4.5	4.5	5.5	Không Đạt	
316.	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	1955	316/KVHCM	Đồng Nai	4.5	5.0	4.0	Không Đạt	
317.	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	1982	317/KVHCM	Quảng Nam	5.5	5.5	8.0	Đạt	
318.	BÙI BÁ	NGHIỆP	1974	318/KVHCM	TP. HCM	5.0	8.5	5.5	Đạt	
319.	MAI TẤN	NGỌC	1960	319/KVHCM	TP. HCM	3.0	5.0	4.0	Không Đạt	
320.	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	1986	320/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.5	5.0	Đạt	
321.	TRƯƠNG HỒNG	NGỌC	1986	321/KVHCM	TP. HCM	4.5	7.5	6.5	Không Đạt	
322.	LÊ VĂN	NGỖ	1951	322/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	4.0	Không Đạt	
323.	TRẦN VĂN	NGÕN	1973	323/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.0	Đạt	
324.	ĐOÀN ĐỨC	NGUYỄN	1959	324/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	5.5	Đạt	
325.	ĐOÀN LỄ	NGUYỄN	1979	325/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	5.0	Đạt	
326.	MAI ĐỨC KHÔI	NGUYỄN	1977	326/KVHCM	TP. HCM	8.0	6.5	6.5	Đạt	
327.	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	1964	327/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	7.0	Đạt	
328.	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	1980	328/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
329.	NGUYỄN VÂN	NGUYỄN	1985	329/KVHCM	BR-VT	7.0	5.5	7.5	Đạt	
330.	NGUYỄN THỊ THUY	NGUYỄN	1966	330/KVHCM	Đồng Nai				Vắng	
331.	ĐOÀN NHƯ	NGUYỄN	1985	331/KVHCM	TP. HCM	3.5	4.5	6.0	Không Đạt	
332.	ĐOÀN MINH	NGUYỆT	1986	332/KVHCM	Bến Tre	6.5	4.5	6.0	Không Đạt	
333.	HUỖNH THỊ ÁNH	NGUYỆT	1979	333/KVHCM	TP. HCM	5.0	4.5	5.5	Không Đạt	
334.	NGUYỄN THỊ NHẬT	NGUYỆT	1977	334/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	6.0	Đạt	
335.	TRƯƠNG THỊ MINH	NGUYỆT	1980	335/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	4.5	Không Đạt	
336.	KHUÔNG THUY	NGŨ	1976	336/KVHCM	TP. HCM	6.5	4.5	5.5	Không Đạt	
337.	LÂM THỊ THANH	NHÂN	1986	337/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	6.0	Đạt	
338.	NGÔ THÀNH	NHÂN	1978	338/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	6.0	Đạt	
339.	NGUYỄN HỒ THIÊN	NHÂN	1966	339/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
340.	TRẦN QUANG	NHÂN	1959	340/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.5	Không Đạt	
341.	TRẦN TRUNG	NHÂN	1963	341/KVHCM	Đồng Nai				Vắng	
342.	TRẦN BA	NHÂN	1977	342/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	6.0	Đạt	
343.	THỐI THỊ THU	NHI	1986	343/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	7.5	Đạt	
344.	HỒ VĂN	NHỐ	1982	344/KVHCM	Cần Thơ	5.5	4.5	3.5	Không Đạt	
345.	NGUYỄN THỊ	NHUNG	1985	345/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	5.5	Không Đạt	
346.	THÂN HỒNG	NHUNG	1986	346/KVHCM	Đồng Nai	6.0	6.0	7.0	Đạt	
347.	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	1975	347/KVHCM	TP. HCM	4.0	3.5	5.0	Không Đạt	

348.	UNG THỊ NGỌC	NHUNG	1985	348/KVHCM	Cần Thơ	7.0	6.0	6.5	Đạt	Đạt
349.	LÊ	NHU	1986	349/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.5	6.0	Đạt	Đạt
350.	ĐẶNG MINH	NHƯT	1977	350/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	6.0	Đạt	Đạt
351.	LƯU ĐỨC	NHƯT	1982	351/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	6.0	Đạt	Đạt
352.	TRẦN KIM	NI	1987	352/KVHCM	TP. HCM	5.5	8.5	5.0	Đạt	Đạt
353.	CHIÊM HOÀNG	OANH	1979	353/KVHCM	Kiên Giang	5.0	6.5	6.0	Đạt	Đạt
354.	NGUYỄN HOÀNG	OANH	1962	354/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	5.0	Đạt	Đạt
355.	TRẦN KIM	OANH	1969	355/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.5	Đạt	Đạt
356.	TRẦN NGUYỄN KIỀU	OANH	1962	356/KVHCM	Đồng Nai	6.0	6.5	6.0	Đạt	Đạt
357.	TRẦN THỊ HOÀNG	OANH	1983	357/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	7.0	Đạt	Đạt
358.	VÕ THỊ NGỌC	OANH	1973	358/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	5.0	Đạt	Đạt
359.	VŨ THỊ	OANH	1957	359/KVHCM	Đồng Nai	5.0	5.0	5.0	Đạt	Đạt
360.	HUYỀN LÂM	PHÁT	1962	360/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.5	5.0	Đạt	Đạt
361.	LÊ TRUNG	PHÁT	1985	361/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	6.5	Đạt	Đạt
362.	VÕ TẤN	PHÁT	1972	362/KVHCM	Long An	6.0	6.5	5.0	Đạt	Đạt
363.	NGUYỄN ĐÌNH CAO	PHI	1974	363/KVHCM	TP. HCM	4.5	6.5	6.0	Đạt	Đạt
364.	BUI GI	PHONG	1962	364/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	4.5	Không Đạt	Không Đạt
365.	HUYỀN VÂN	PHONG	1956	365/KVHCM	Kiên Giang	6.0	7.0	3.5	Không Đạt	Không Đạt
366.	LÊ	PHONG	1965	366/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.0	8.0	Đạt	Đạt
367.	LÊ TẤN	PHONG	1983	367/KVHCM	Đồng Nai	4.0	7.5	7.0	Không Đạt	Không Đạt
368.	NGUYỄN	PHONG	1975	368/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.5	6.5	Đạt	Đạt
369.	NGUYỄN MẠNH	PHONG	1976	369/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	5.5	Đạt	Đạt
370.	NGUYỄN XUÂN	PHONG	1969	370/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	5.5	Đạt	Đạt
371.	PHAN HUY	PHONG	1973	371/KVHCM	Cần Thơ	6.0	6.0	5.5	Đạt	Đạt
372.	VÕ THÁI	PHONG	1966	372/KVHCM	Long An	4.0	5.0	2.5	Không Đạt	Không Đạt
373.	TRẦN VÂN	PHÚ	1951	373/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.0	3.0	Không Đạt	Không Đạt
374.	DƯƠNG HỒNG	PHÚC	1964	374/KVHCM	Đồng Nai	5.0	7.0	5.0	Đạt	Đạt
375.	LÂM ĐĂNG	PHÚC	1963	375/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	5.5	Đạt	Đạt
376.	LÊ THỊ HỒNG	PHÚC	1976	376/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	5.0	Đạt	Đạt
377.	NGUYỄN BẢO	PHÚC	1970	377/KVHCM	Bình Dương	6.5	6.0	4.0	Không Đạt	Không Đạt
378.	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	1975	378/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	3.0	Không Đạt	Không Đạt
379.	TRẦN HỮU	PHÚC	1954	379/KVHCM	Kiên Giang	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	Không Đạt
380.	LÊ THANH	PHÙNG	1977	380/KVHCM	Cần Thơ	5.0	6.5	6.5	Đạt	Đạt
381.	TÔ VÂN	PHÙNG	1960	381/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.5	Không Đạt	Không Đạt
382.	ĐINH VIỆT	PHÙNG	1977	382/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	5.5	Đạt	Đạt
383.	MAI DUY	PHƯỚC	1984	383/KVHCM	Đà Nẵng	5.0	7.0	5.5	Đạt	Đạt

384.	PHẠM HỮU	PHƯỚC	1952	384/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	6.0	Đạt	
385.	ĐÀM THỊ THU	PHƯƠNG	1986	385/KVHCM	Đồng Nai	6.5	6.5	5.0	Đạt	
386.	DƯƠNG HỮU THANH	PHƯƠNG	1965	386/KVHCM	Đồng Tháp	5.0	6.5	6.0	Đạt	
387.	HỒ THỊ THU	PHƯƠNG	1980	387/KVHCM	Tây Ninh	4.0	7.0	2.5	Không Đạt	
388.	HOÀNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	1973	388/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	4.0	Không Đạt	
389.	LÊ THỊ LINH	PHƯƠNG	1980	389/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.0	5.5	Đạt	
390.	NGÔ HOÀI	PHƯƠNG	1984	390/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	7.0	Đạt	Vắng
391.	NGUYỄN THỊ ANH	PHƯƠNG	1975	391/KVHCM	TP. HCM					
392.	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	1980	392/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.0	Đạt	
393.	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	1977	393/KVHCM	TP. HCM	7.0	8.0	6.5	Đạt	
394.	PHẠM ĐÌNH	PHƯƠNG	1977	394/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	6.0	Đạt	
395.	PHẠM LÊ THỊ LAN	PHƯƠNG	1979	395/KVHCM	Đà Nẵng	5.5	7.0	7.5	Đạt	
396.	PHAN THỊ NHẬT	PHƯƠNG	1987	396/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.5	8.5	Đạt	
397.	VÕ LINH	PHƯƠNG	1986	397/KVHCM	Đồng Nai	9.0	7.0	6.0	Đạt	
398.	NGÔ HOÀNG HOA	PHƯƠNG	1963	398/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	6.0	Đạt	
399.	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1986	399/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.0	5.5	Đạt	
400.	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	1983	400/KVHCM	Quảng Nam	7.0	7.0	7.5	Đạt	
401.	BUI ĐỨC	QUANG	1979	401/KVHCM	BR-VT	5.0	8.0	6.0	Đạt	
402.	HỒ BÀ	QUANG	1983	402/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
403.	PHẠM NGỌC	QUANG	1982	403/KVHCM	Gia Lai	6.0	7.0	7.0	Đạt	
404.	PHẠM HỒNG	QUANG	1960	404/KVHCM	Thái Bình	5.5	5.0	5.0	Đạt	
405.	NGÔ VĂN	QUỐC	1977	405/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	4.0	Không Đạt	
406.	PHAN NGỌC LÊ	QUỐC	1967	406/KVHCM	Bình Dương	6.5	5.0	5.5	Đạt	
407.	TRẦN ĐẠI CƯỜNG	QUỐC	1984	407/KVHCM	TP. HCM	5.5	3.0	7.0	Không Đạt	
408.	TRINH MINH KIẾN	QUỐC	1976	408/KVHCM	TP. HCM	6.5	3.0	5.0	Không Đạt	
409.	TRẦN VĂN	QUỐC	1955	409/KVHCM	TP. HCM	5.5	3.0	5.0	Không Đạt	
410.	NGUYỄN HỮU	QUÝ	1966	410/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.0	Đạt	
411.	NGUYỄN XUÂN	QUÝ	1983	411/KVHCM	TP. HCM	7.0	7.0	9.0	Đạt	
412.	TRẦN DANH	QUÝ	1976	412/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	7.0	Đạt	
413.	ĐOÀN ĐỎ	QUYÊN	1975	413/KVHCM	TP. HCM	5.5	4.0	6.0	Không Đạt	
414.	TRẦN THỊ NGỌC	QUYÊN	1975	414/KVHCM	TP. HCM	5.0	8.0	4.0	Không Đạt	
415.	TRƯỜNG QUỐC	QUYÊN	1984	415/KVHCM	Đồng Nai	6.0	4.0	5.0	Không Đạt	
416.	NGÔ LÊ	QUYÊN	1978	416/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	6.0	Đạt	
417.	PHAN NHƯ'	QUYÊN	1983	417/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	6.5	Không Đạt	
418.	ĐẶNG NI	SA	1984	418/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.5	6.5	Đạt	
419.	MAI THỊ KIM	SA	1984	419/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.5	Đạt	

12/15

420.	NGUYỄN VĂN	SÀI	1982	420/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.5	Đạt	
421.	TRIỆU A	SÁM	1986	421/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.0	2.5	Không Đạt	
422.	NGÔ VĂN	SÁU	1968	422/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.0	Đạt	
423.	ĐỖ THÀNH	SEN	1972	423/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	6.0	Đạt	
424.	HUỖNH VĂN	SEN	1983	424/KVHCM	Tây Ninh	6.0	5.0	5.0	Đạt	
425.	LÝ VĂN	SINH	1967	425/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	5.0	Không Đạt	
426.	TRẦN NGỌC	SINH	1975	426/KVHCM	Bình Phước	5.5	2.0	5.5	Không Đạt	
427.	ĐỖ MINH	SƠN	1972	427/KVHCM	Đà Nẵng	5.0	5.0	7.5	Đạt	
428.	HÀ VĂN	SƠN	1958	428/KVHCM	Cần Thơ	5.5	7.0	4.5	Không Đạt	
429.	HOÀNG LIÊN	SƠN	1978	429/KVHCM	Lâm Đồng	5.5	5.0	7.5	Đạt	
430.	NGUYỄN KHẮC THANH	SƠN	1959	430/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	6.5	Đạt	
431.	TRẦN VĂN	SỸ	1982	431/KVHCM	Cần Thơ	6.5	7.0	5.5	Đạt	
432.	LÊ QUÝ	TÀI	1975	432/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	4.0	Không Đạt	
433.	NGÔ THANH	TÀI	1977	433/KVHCM	Quảng Nam	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
434.	NGUYỄN ANH	TÀI	1976	434/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	3.0	Không Đạt	
435.	PHẠM THANH	TÂM	1957	435/KVHCM	Long An	6.0	5.0	6.0	Đạt	
436.	TRẦN THANH	TÂM	1971	436/KVHCM	TP. HCM	5.0	4.0	5.0	Không Đạt	
437.	VÕ HOÀNG	TÂM	1980	437/KVHCM	Cần Thơ	5.0	3.5	5.0	Không Đạt	
438.	BÙI NGỌC	TẦN	1985	438/KVHCM	TP. HCM	7.0	2.5	7.5	Không Đạt	
439.	NGUYỄN ĐÌNH	TẦN	1976	439/KVHCM	TP. HCM	7.0	4.0	3.5	Không Đạt	
440.	TRẦN MINH	TẦN	1963	440/KVHCM	TP. HCM	3.5	5.0	3.0	Không Đạt	
441.	LÂM NAM	TẦN	1980	441/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.0	6.0	Đạt	
442.	TRẦN KIÊM	TẦN	1957	442/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	6.5	Đạt	
443.	VÕ XUÂN	TẦN	1982	443/KVHCM	Bình Phước	6.0	5.5	4.5	Không Đạt	
444.	HOÀNG GIA	TÁNH	1971	444/KVHCM	Đồng Nai	4.0	5.0	4.0	Không Đạt	
445.	NGUYỄN HOÀNG	TÁT	1981	445/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
446.	LÊ VĂN	THẠCH	1974	446/KVHCM	TP. HCM	6.0	3.5	4.0	Không Đạt	
447.	NGUYỄN CHÍ	THẠCH	1984	447/KVHCM	TP. HCM	6.0	3.5	5.5	Không Đạt	
448.	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	1962	448/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	6.5	Không Đạt	
449.	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	1949	449/KVHCM	TP. HCM	3.5	2.0	4.5	Không Đạt	
450.	LÝ HOÀNG ANH	THÁI	1979	450/KVHCM	TP. HCM	4.0	5.0	6.0	Không Đạt	
451.	NGUYỄN THIÊN	THÁI	1964	451/KVHCM	Đồng Nai	6.0	5.5	3.0	Không Đạt	
452.	PHẠM QUỐC	THÁI	1986	452/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	6.5	Đạt	
453.	HÀ THỊ	THANH	1971	453/KVHCM	TP. HCM	5.0	2.0	5.5	Không Đạt	
454.	NGUYỄN QUỐC	THANH	1981	454/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	7.5	Đạt	

455.	NGUYỄN THỊ	THANH	1974	455/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.0	3.0	Không Đạt	
456.	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	1956	456/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.0	Đạt	
457.	TRẦN VĂN	THANH	1973	457/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.0	Không Đạt	
458.	TRƯƠNG HÙNG	THANH	1985	458/KVHCM	Đà Nẵng	5.0	5.0	5.0	Đạt	
459.	VÕ NGỌC	THANH	1987	459/KVHCM	Long An	7.0	5.0	7.0	Đạt	
460.	HỒ VĂN	THÀNH	1963	460/KVHCM	Long An	5.5	6.0	6.0	Đạt	
461.	LÊ VĂN	THÀNH	1968	461/KVHCM	Đồng Nai				Vắng	
462.	NGUYỄN LÊ	THÀNH	1970	462/KVHCM	TP. HCM	2.5	3.5	5.0	Không Đạt	
463.	NGUYỄN VĂN	THÀNH	1983	463/KVHCM	Đà Nẵng	6.5	4.5	5.0	Không Đạt	
464.	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	1954	464/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	6.5	Đạt	
465.	PHẠM QUANG	THÀNH	1969	465/KVHCM	TP. HCM	3.5	5.5	5.0	Không Đạt	
466.	TRẦN MINH	THANH	1970	466/KVHCM	Ninh Thuận	6.5	4.5	5.0	Không Đạt	
467.	BÙI THỊ THANH	THẢO	1984	467/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	6.0	Đạt	
468.	NGÔ VIỆT	THẢO	1955	468/KVHCM	TP. HCM	6.5	4.0	5.0	Không Đạt	
469.	NGUYỄN PHI	HẢO	1978	469/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.5	5.0	Đạt	
470.	PHAN THỊ	THẢO	1977	470/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.0	4.5	Không Đạt	
471.	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	1970	471/KVHCM	BR-VT	5.0	6.0	7.0	Đạt	
472.	LÒ VĂN	THẨM	1956	472/KVHCM	Bình Phước	5.0	5.0	6.0	Đạt	
473.	TRẦN THỊ KIM	THẨM	1978	473/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
474.	VÕ THỊ	THẨM	1982	474/KVHCM	TP. HCM	7.0	5.5	6.0	Đạt	
475.	ĐOÀN VIỆT	THẮNG	1967	475/KVHCM	Ninh Thuận	6.0	5.0	6.0	Đạt	
476.	LÊ QUỐC	THẮNG	1962	476/KVHCM	TP. HCM	5.0	4.0	4.0	Không Đạt	
477.	NGÔ ĐÌNH	THẮNG	1986	477/KVHCM	TP. HCM				Vắng	
478.	NGUYỄN TÁT	THẮNG	1961	478/KVHCM	TP. HCM	3.0	4.5	4.0	Không Đạt	
479.	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1970	479/KVHCM	Long An	6.0	5.0	4.5	Không Đạt	
480.	NGUYỄN THỊ THANH	THẾ	1982	480/KVHCM	TP. HCM	4.5	4.0	6.5	Không Đạt	
481.	NGUYỄN KIM	THỊ	1981	481/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	4.5	Không Đạt	
482.	NGUYỄN HOÀNG CẨM	THỊ	1984	482/KVHCM	Cần Thơ	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
483.	NGUYỄN TRẦN	THIỆN	1984	483/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	3.5	Không Đạt	
484.	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	1983	484/KVHCM	TP. HCM	6.0	4.0	5.0	Không Đạt	
485.	NGUYỄN HỮU	THIỆN	1964	485/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	7.5	Đạt	
486.	PHẠM BÁ	THIỆU	1967	486/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	6.5	Đạt	
487.	NGUYỄN AN	THÍNH	1980	487/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	6.0	Đạt	
488.	TRẦN DUY	THỌ	1975	488/KVHCM	TP. HCM				Vắng	
489.	LÊ THỊ KIM	THOÀ	1967	489/KVHCM	Đồng Nai	5.0	5.0	6.0	Đạt	
490.	VŨ THỊ KIM	THOÀ	1985	490/KVHCM	Đồng Nai	6.0	6.0	5.0	Đạt	

491.	HOÀNG ĐỨC	THÔNG	1975	491/KVHCM	TP. HCM	4.0	6.0	7.0	Không Đạt	
492.	NGUYỄN ĐĂNG	THÔNG	1973	492/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	5.0	Đạt	
493.	NGUYỄN THẾ CAO	THÔNG	1979	493/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	7.0	Đạt	
494.	TRƯƠNG HỮU	THỜI	1949	494/KVHCM	An Giang	5.5	5.5	5.5	Đạt	
495.	NGUYỄN THỊ	THU	1983	495/KVHCM	Đà Nẵng	6.5	6.0	6.5	Đạt	
496.	PHẠM THỊ THIÊN	THU	1982	496/KVHCM	Long An					Vắng
497.	TRẦN THỊ MINH	THU	1984	497/KVHCM	TP. HCM	9.0	6.5	6.5	Đạt	
498.	LÊ XUÂN	THU	1982	498/KVHCM	TP. HCM	6.5	7.5	6.0	Đạt	
499.	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUẬN	1951	499/KVHCM	Bình Phước	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
500.	LƯƠNG VĂN	THUẬN	1973	500/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	4.5	Không Đạt	
501.	PHAN ĐĂNG HIẾU	THUẬN	1981	501/KVHCM	Đồng Nai	5.5	7.0	6.5	Đạt	
502.	LẠI THỊ PHƯƠNG	THUY	1983	502/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	5.0	Đạt	
503.	TRƯỜNG DIỆU	THUY	1964	503/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	5.5	Đạt	
504.	NGUYỄN THỊ	THUY	1975	504/KVHCM	Đồng Nai	5.0	6.0	5.5	Đạt	
505.	HUỲNH THỊ BÍCH	THUY	1980	505/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.5	5.0	Đạt	
506.	NGÔ THỊ THÚY	THUY	1985	506/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.0	5.0	Đạt	
507.	NGUYỄN HỒ THU	THUY	1985	507/KVHCM	TP. HCM	6.5	7.0	8.0	Đạt	
508.	NGUYỄN THỊ	THUY	1984	508/KVHCM	TP. HCM	6.5	8.0	6.0	Đạt	
509.	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUY	1980	509/KVHCM	TP. HCM	5.5	8.0	7.0	Đạt	
510.	TRẦN THỊ LỆ	THUY	1977	510/KVHCM	TP. HCM	4.5	4.0	4.0	Không Đạt	
511.	TRƯƠNG THỊ THANH	THUY	1985	511/KVHCM	BR-VT	5.5	7.5	6.0	Đạt	
512.	LÊ NGUYỄN MINH	THU	1980	512/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	5.0	Đạt	
513.	TÀNG QUỐC	THUẢ	1980	513/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	4.0	Không Đạt	
514.	NGUYỄN ĐÌNH	THỰC	1985	514/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	7.0	Đạt	
515.	LÊ MINH	TIỀN	1968	515/KVHCM	TP. HCM	8.5	4.0	7.5	Không Đạt	
516.	LÊ XUÂN	TIỀN	1974	516/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	2.0	Không Đạt	
517.	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG	1956	517/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
518.	BUI VĂN	TÍNH	1978	518/KVHCM	TP. HCM	2.0		5.0	Không Đạt	
519.	NGUYỄN ĐỨC	TÍNH	1955	519/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	3.0	Không Đạt	
520.	NGUYỄN THỊ	TÍNH	1982	520/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.0	5.5	Đạt	
521.	VÕ THIÊN	TÍNH	1955	521/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	3.0	Không Đạt	
522.	ĐẶNG VĂN	TÍNH	1975	522/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	6.5	Đạt	
523.	LÊ KHÁNH	TOÀN	1986	523/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.5	4.0	Không Đạt	
524.	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	1966	524/KVHCM	TP. HCM	7.5	7.5	6.0	Đạt	
525.	NGUYỄN THỊ THANH	TOÀN	1957	525/KVHCM	Đồng Nai	6.0	6.0	6.0	Đạt	
526.	PHẠM THANH	TOÀN	1983	526/KVHCM	TP. HCM	6.0	3.0	6.5	Không Đạt	

527.	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	1980	527/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	4.5	Không Đạt	
528.	PHAM THI	TỔNG	1966	528/KVHCM	Đồng Nai	6.5	3.5	5.0	Không Đạt	
529.	TRẦN VĂN	TỐT	1966	529/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.5	4.0	Không Đạt	
530.	HUỖNH THANH	TRÀ	1985	530/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.0	Đạt	
531.	ĐẶNG VĂN	TRÃI	1985	531/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.0	8.0	Đạt	
532.	ĐẶNG MAI QUỲNH	TRẦM	1974	532/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	6.5	Đạt	
533.	HỒ XUÂN	TRẦM	1981	533/KVHCM	Quảng Nam	4.0	6.0	7.0	Không Đạt	
534.	DƯƠNG TRẦN DIỄM	TRANG	1978	534/KVHCM	Bình Dương	5.0	6.0	5.0	Đạt	
535.	HOÀNG NỮ HUỖNH	TRANG	1987	535/KVHCM	BR-VT	6.0	4.0	5.0	Không Đạt	
536.	HUỖNH THỊ THANH	TRANG	1980	536/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.0	5.5	Đạt	
537.	LÊ THUY	TRANG	1984	537/KVHCM	BR-VT				Vắng	
538.	NGUYỄN NGỌC	TRANG	1980	538/KVHCM	Đồng Nai	5.5	5.0	5.0	Đạt	
539.	PHAN TRẦN YẾN	TRANG	1973	539/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	7.0	Đạt	
540.	TRẦN THỊ THU	TRANG	1984	540/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	6.0	Đạt	
541.	TRỊNH THUY	TRANG	1984	541/KVHCM	BR-VT	5.0	6.0	7.0	Đạt	
542.	VÕ THỊ MINH	TRANG	1978	542/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	6.5	Đạt	
543.	ĐÀO CÔNG	TRẮNG	1978	543/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.5	6.0	Đạt	
544.	ĐẶNG ĐÌNH	TRÍ	1980	544/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.5	8.0	Đạt	
545.	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	1986	545/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	6.5	Đạt	
546.	NGUYỄN HỮU	TRÍ	1964	546/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	5.0	Đạt	
547.	SÙ KHẮC	TRÍ	1964	547/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	6.0	Đạt	
548.	TRẦN VĂN	TRÍ	1981	548/KVHCM	TP. HCM	5.0	7.0	5.0	Đạt	
549.	ĐẶNG NGỌC	TRIỂN	1957	549/KVHCM	Long An	6.0	6.5	7.0	Đạt	
550.	DƯƠNG THUY	TRINH	1983	550/KVHCM	Vĩnh Long	6.0	6.0	5.0	Đạt	
551.	LÊ THỊ AN	TRINH	1981	551/KVHCM	TP. HCM	8.0	7.0	5.5	Đạt	
552.	NGUYỄN THỊ DIỆU	TRINH	1979	552/KVHCM	TP. HCM	8.0	6.5	6.5	Đạt	
553.	NGUYỄN VĂN	TRÔNG	1986	553/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	7.0	Đạt	
554.	NGUYỄN	TRÚC	1963	554/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.0	6.5	Đạt	
555.	CAO MINH	TRUNG	1964	555/KVHCM	Đồng Nai	6.5	5.0	6.0	Đạt	
556.	ĐINH HOÀNG	TRUNG	1971	556/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	4.0	Không Đạt	
557.	NGUYỄN	TRUNG	1972	557/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.5	6.5	Đạt	
558.	PHAN HỮU	TRUNG	1985	558/KVHCM	Vĩnh Long	6.0	7.5	7.0	Đạt	
559.	PHAN THANH	TRUNG	1954	559/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	6.5	Đạt	
560.	TRẦN NHẬT	TRUNG	1968	560/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	3.0	Không Đạt	
561.	TRẦN QUANG	TRUNG	1986	561/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	5.0	Đạt	
562.	TRẦN VĂN	TRUNG	1969	562/KVHCM	TP. HCM	6.5	5.0	5.0	Đạt	

16/18

563.	TRANG HOÀNG	TRUNG	1970	563/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.5	5.0	Đạt	
564.	VŨ MINH	TRUNG	1967	564/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	5.5	Đạt	
565.	LÊ TÂN	TRUYỀN	1973	565/KVHCM	Lâm Đồng	5.5	6.5	5.0	Đạt	
566.	NGUYỄN PHẠM MINH	TRUNG	1964	566/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.0	5.0	Đạt	
567.	HOÀNG TRỌNG	TRƯỜNG	1984	567/KVHCM	Long An	4.5	5.5	5.0	Không Đạt	
568.	LÊ HÀ VĨNH	TRƯỜNG	1977	568/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	5.0	Đạt	
569.	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	1971	569/KVHCM	Đồng Nai					Vắng
570.	CAO NGUYỄN CẨM	TỬ	1986	570/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	3.5	Không Đạt	
571.	ĐẶNG TUẤN	TỬ	1972	571/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	5.0	Đạt	
572.	HỒ NGỌC	TỬ	1986	572/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	6.0	Đạt	
573.	LÊ VĂN	TỬ	1983	573/KVHCM	Đồng Nai	5.5	4.5	6.5	Không Đạt	
574.	NGUYỄN THỊ THANH	TỬ	1971	574/KVHCM	TP. HCM	6.0	6.5	7.0	Đạt	
575.	TRƯỜNG HỒNG	TỬ	1983	575/KVHCM	Đồng Nai	5.5	6.5	4.5	Không Đạt	
576.	NGUYỄN VĂN	TỬ	1964	576/KVHCM	TP. HCM	6.5	6.0	2.5	Không Đạt	
577.	NGUYỄN	TUẤN	1981	577/KVHCM	TP. HCM	7.0	4.5	6.0	Không Đạt	
578.	ĐÌNH TẤN	TUẤN	1981	578/KVHCM	Bình Dương	6.0	7.5	5.0	Đạt	
579.	HÀ XUÂN	TUẤN	1973	579/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	5.0	Đạt	
580.	LÊ MINH	TUẤN	1974	580/KVHCM	Đồng Nai					Vắng
581.	NGUYỄN VĂN	TUẤN	1964	581/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	5.0	Đạt	
582.	NGUYỄN VĂN	TUẤN	1966	582/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	4.0	Không Đạt	
583.	NGUYỄN VĂN	TUẤN	1983	583/KVHCM	Đồng Nai	7.5	4.0	7.0	Không Đạt	
584.	PHẠM HỒNG	TUẤN	1949	584/KVHCM	TP. HCM	5.5	7.0	4.0	Không Đạt	
585.	TRẦN NGỌC	TUẤN	1985	585/KVHCM	TP. HCM	5.0	5.5	6.5	Đạt	
586.	NGUYỄN KHẮC BẢO	TÙNG	1985	586/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	6.0	Đạt	
587.	NGUYỄN LÂM	TÙNG	1973	587/KVHCM	Kiên Giang	5.0	6.0	5.0	Đạt	
588.	NGUYỄN ĐỊNH	TUỒNG	1984	588/KVHCM	BR-VT	5.0	6.5	6.5	Đạt	
589.	NGUYỄN THỊ CÁT	TUỒNG	1984	589/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	6.0	Đạt	
590.	MAI	TUYỀN	1976	590/KVHCM	Đồng Tháp	5.0	6.0	7.5	Đạt	
591.	NGUYỄN XUÂN	TUYỀN	1952	591/KVHCM	TP. HCM					Vắng
592.	TRẦN THỊ MỘNG	TUYỀN	1986	592/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.5	6.5	Đạt	
593.	ĐỖ THỊ	TUYẾT	1982	593/KVHCM	BR-VT	5.5	8.0	6.5	Đạt	
594.	HỒ THỊ ANH	TUYẾT	1985	594/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.5	7.5	Đạt	
595.	NGUYỄN THỊ ANH	TUYẾT	1981	595/KVHCM	TP. HCM	6.0	5.5	6.0	Đạt	
596.	PHAN THỊ XUÂN	UYỀN	1974	596/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	6.0	Đạt	
597.	LÊ THỊ THUY	VÂN	1974	597/KVHCM	Vĩnh Long	4.5	5.0	5.5	Không Đạt	
598.	NGUYỄN LÊ VY	VÂN	1986	598/KVHCM	TP. HCM	6.0	8.0	6.0	Đạt	

17/48

599.	NGUYỄN THỊ VÂN	1982	599/KVHCM	Lâm Đồng	7.0	7.5	6.0	Đạt	
600.	NGUYỄN THỊ MAI VÂN	1971	600/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.0	Đạt	
601.	HÀNG BẢO VIỆT	1955	601/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.5	5.5	Đạt	
602.	NGUYỄN TIẾN VIỆT	1958	602/KVHCM	Long An	5.5	6.0	2.5	Không Đạt	
603.	THÁI QUỐC VIỆT	1984	603/KVHCM	Đà Nẵng	3.0	4.0	7.0	Không Đạt	
604.	BÙI THỐI VINH	1977	604/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	6.0	Đạt	
605.	DƯƠNG XUÂN VINH	1977	605/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	5.5	Đạt	
606.	LƯU QUANG VINH	1974	606/KVHCM	TP. HCM	5.0	6.0	6.0	Đạt	
607.	PHẠM THỊ VINH	1959	607/KVHCM	Đồng Nai	5.0	5.0	4.0	Không Đạt	
608.	VÕ TUẤN VINH	1983	608/KVHCM	Vĩnh Long	7.0	5.0	4.5	Không Đạt	
609.	MAI THUY VŨ	1979	609/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	3.0	Không Đạt	
610.	NGÔ QUANG VŨ	1978	610/KVHCM	TP. HCM	5.0	3.0	5.0	Không Đạt	
611.	NGUYỄN MẠNH VŨ	1982	611/KVHCM	TP. HCM	5.5	5.0	5.0	Đạt	
612.	TẠ ĐÌNH VŨ	1974	612/KVHCM	TP. HCM	4.5	5.0	6.5	Không Đạt	
613.	CAO VĂN VƯỢNG	1972	613/KVHCM	Bình Dương			5.0	Không đạt	Vắng Đạo đức, Văn đáp
614.	LÊ ĐẶNG HẠ VY	1977	614/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	7.5	Đạt	
615.	NGHIÊM THUY VY	1987	615/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	7.0	Đạt	
616.	NGUYỄN TUÔNG VY	1980	616/KVHCM	TP. HCM	5.5	6.0	3.0	Không Đạt	
617.	ĐẶNG XUÂN	1961	617/KVHCM	TP. HCM	6.0	7.0	3.5	Không Đạt	
618.	ĐOÀN NGỌC XUÂN	1953	618/KVHCM	TP. HCM					Vắng
619.	NGUYỄN KIM XUÂN	1982	619/KVHCM	Đồng Nai	5.0	4.5	5.5	Không Đạt	
620.	NGUYỄN THỊ MỸ XUÂN	1972	620/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.5	7.0	Đạt	
621.	TRƯƠNG THỊ XUYỀN	1985	621/KVHCM	TP. HCM	7.5	5.5	5.5	Đạt	
622.	HOÀNG YẾN	1980	622/KVHCM	TP. HCM	7.0	6.0	6.5	Đạt	

804